

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vào khu xử lý rác Tam Xuân II và hỗ trợ, bồi thường và tái định cư các hộ dân bị ảnh hưởng trực tiếp của khu chứa và xử lý rác thải Tam Xuân II

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 10/2010/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2015/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16/3/2021 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương (phụ lục 16);

Căn cứ các Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014, số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016, số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Xét hồ sơ kèm theo Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 11/6/2021 của UBND huyện Núi Thành về việc thẩm định, phê duyệt dự án Đường vào khu xử lý rác Tam Xuân II và hỗ trợ, bồi thường và tái định cư các hộ dân bị ảnh hưởng trực tiếp của khu chứa và xử lý rác thải Tam Xuân II;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2416/TTr-SGTVT ngày 06/8/2021, kèm theo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án số 2398/KQTD-SGTVT ngày 04/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vào khu xử lý rác Tam Xuân II và hỗ trợ, bồi thường và tái định cư các hộ dân bị ảnh hưởng trực tiếp của khu chứa và xử lý rác thải Tam Xuân II, huyện Núi Thành; với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường vào khu xử lý rác Tam Xuân II và hỗ trợ, bồi thường và tái định cư các hộ dân bị ảnh hưởng trực tiếp của khu chứa và xử lý rác thải Tam Xuân II.

2. Cơ quan quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.
3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành.
4. Mục tiêu đầu tư: Phục vụ vận chuyển rác thải vào khu xử lý rác thải Tam Xuân II, giảm thiểu ảnh hưởng môi trường trong việc vận chuyển rác thải, đảm bảo chất lượng cuộc sống của nhân dân trong vùng.
5. Nội dung và quy mô đầu tư: Xây dựng đường vào khu xử lý rác Tam Xuân II, chiều dài 4,92Km, gồm:
 - a) Đoạn Km0 - Km0+899, dài 0,9Km: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường theo cấp đường hiện trạng, bề rộng 5,0m (nền) = 3,5m (mặt)+2x0,75m (lề). Kết cấu sửa chữa mặt đường bằng bê tông nhựa.
 - b) Đoạn Km3+300 - Km3+996, dài 0,7Km: Tận dụng lại mặt đường BTXM mới đầu tư, bề rộng 3,5m. Bổ sung gia cố lề bằng BTXM mỗi bên rộng 1,0m; riêng đoạn Km3+438 - Km3+722 gia cố lề bên phải rộng 3,5m để phục vụ xây dựng khu tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng trực tiếp của khu chứa và xử lý rác thải.
 - c) Nâng cấp, mở rộng các đoạn còn lại Km0+899 - Km3+300 và Km3+996 - Km4+920, tổng chiều dài 3,32Km:
 - Cấp đường: Đường cấp VI đồng bằng theo TCVN 4054-2005.
 - Tốc độ thiết kế: 30Km/h.
 - Mặt cắt ngang: 6,5m (nền) = 5,5m (mặt và lề gia cố) + 2x0,5m (lề đất).
 - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa chặt. Mô đun đàn hồi yêu cầu 100Mpa.
 - Tải trọng tính toán:
 - + Kết cấu áo đường: Trục xe 10T;
 - + H30-XB80 (cống tròn); HL.93 (cầu, cống hộp).
 - Khổ cầu: 8,0m = 7,0m (phần xe chạy) + 2x0,5m (gờ lan can).
 - Khổ cống: Bằng bề rộng nền đường;
 - Quy mô công trình cầu: Vĩnh cửu (tuổi thọ thiết kế là 100 năm).
 - Tần suất thiết kế cầu nhỏ, cống: 4%.
6. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần Tư vấn kiểm định xây dựng Delta.
7. Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Hồ Đắc Hội.
8. Địa điểm xây dựng: Xã Tam Xuân II, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
9. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 6,0 ha.
10. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình giao thông, cấp IV.
11. Số bước thiết kế: 02 bước.
12. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng chủ yếu: Theo khoản 11 mục I Báo cáo thẩm định số 2398/KQTĐ-SGTVT ngày 04/8/2021 của Sở Giao thông vận tải.

13. Nội dung thiết kế cơ sở:

a) Bình đồ tuyến: Điểm đầu tại Km1000+150/QL.1 (nút hiện trạng đường ĐX2), hướng tuyến theo đường ĐX2, có điều chỉnh cục bộ một số đoạn tuyến để hạn chế GPMB, tuyến giao với đường sắt Bắc - Nam tại Km870+190 (đường ngang đường sắt); điểm cuối tuyến tại Km4+200/ĐH1.NT. Tổng chiều dài tuyến 4,92Km.

b) Trắc dọc: Bám theo cao độ đường cũ; cao độ không chế tại điểm đầu, điểm cuối, nút giao đường sắt và hiện trạng công trình dọc hai bên tuyến. Các đoạn tuyến mới không chế theo cao độ của cầu, công tương ứng với tần suất thiết kế.

c) Trắc ngang:

- Đoạn Km0 - Km0+899: Rộng 5,0m (nền) = 3,5m (mặt) + 2x0,75m (lề đất). Bố trí 02 điểm tránh xe tại Km0+255 và Km0+580 có mặt đường rộng 5,5m.

- Đoạn Km3+300 - Km3+996: Rộng 6,5m (nền) = 5,5m (3,5m mặt BTXM cũ tận dụng và 2x1,0m lề gia cố) + 2x0,5m (lề đất). Riêng đoạn Km3+438 - Km3+722 rộng 9,0m (nền), gia cố lề phải rộng 3,5m.

- Các đoạn Km0+899 - Km3+300 và Km3+996 - Km4+920: Rộng 6,5m (nền) = 5,5m (mặt và lề gia cố) + 2x0,5m (lề đất).

- Rãnh thoát nước dọc dạng hình thang. Các đoạn qua khu dân cư xây dựng mương thoát nước dọc dạng hình chữ nhật có đáy đan, khẩu độ (0,4-0,6)m, với tổng chiều dài 800m. Kết cấu mương dọc bằng bê tông và bê tông cốt thép.

d) Kết cấu nền, áo đường:

- Đoạn Km3+300 - Km3+996: Tận dụng 3,5m mặt đường BTXM hiện hữu, phần lề gia cố có kết cấu: Bê tông xi măng M300 dày 24cm trên móng cấp phối đá dăm loại I Dmax25 dày 18cm.

- Các đoạn tuyến còn lại: Bê tông nhựa BTNC 12,5 dày 7cm, móng cấp phối đá dăm loại I Dmax25, dày tối thiểu 15cm, trên mặt đường cũ hoặc dày 30cm đối với phạm vi mở rộng.

- Nền đường: Đầm chặt K95, riêng lớp đất trên cùng trong phạm vi khuôn đường đầm chặt K98.

đ) Hệ thống thoát nước ngang:

- Cầu kênh tại Km4+726: Thống nhất chủ trương tháo dỡ cầu hiện trạng qua kênh chính Nam Phú Ninh, xây dựng lại cầu bản mới qua kênh gồm 01 nhịp dầm bản bằng BTCT 30Mpa, dài 9m. Mố cầu dạng mô kê bằng BTCT 20Mpa trên hệ cọc BTCT 25Mpa, kích thước (40x40)cm; mỗi mố bố trí 08 cọc, chiều dài cọc dự kiến 9,0m, mũi cọc tựa trên nền đá gốc. Gờ lan can bằng BTCT 20Mpa đá 1x2, lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm. Gia cố hoàn trả lòng kênh thủy lợi bằng BT M200.

- Cổng qua kênh N4 Nam Phú Ninh: Tháo dỡ cổng hiện trạng, xây dựng lại cổng mới bằng BTCT khẩu độ (300x200)cm.

- Các cống thoát nước còn lại: Tổng cộng 28 cống các loại, gồm: 01 cống hộp 3x(300x300)cm; 01 cống hộp 3x(300x200)cm; 03 cống hộp 2x(200x200)cm; 01 cống hộp (300x200)cm; 03 cống hộp (200x200)cm; 04 cống vuông (100x100)cm và 15 cống vuông (50x50)cm. Kết cấu cống bằng bê tông và bê tông cốt thép.

e) Nút giao thông: Thiết kế theo dạng nút giao giản đơn cùng mức. Kết cấu áo đường tương tự như tuyến chính.

g) Hệ thống an toàn giao thông và công trình phụ trợ: Bố trí đầy đủ cọc tiêu có gắn phản quang, biển báo, tiêu phản quang, hộ lan tôn sóng, gờ, gờ giảm tốc... đảm bảo tuân thủ theo Quy chuẩn QCVN 41:2019/BGTVT về báo hiệu đường bộ.

14. Tổng mức đầu tư: **46.632.217.000 đồng** (Bốn mươi sáu tỷ, sáu trăm ba mươi hai triệu, hai trăm mười bảy nghìn đồng), trong đó:

| | | | |
|---|---|----------------|-------|
| - Chi phí xây dựng | : | 25.166.015.000 | đồng, |
| - Chi phí quản lý dự án | : | 563.948.000 | đồng, |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD | : | 2.082.715.000 | đồng, |
| - Chi phí khác | : | 967.338.000 | đồng, |
| - Chi phí bồi thường, GPMB | : | 13.110.958.000 | đồng, |
| - Chi phí dự phòng | : | 4.741.243.000 | đồng. |
| + Dự phòng khối lượng 10% | : | 4.189.097.000 | đồng |
| + Dự phòng trượt giá 1,92% (tạm tính 1 năm) | : | 552.146.000 | đồng |

15. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách tỉnh : 37.093.000.000 đồng.

- Ngân sách huyện Núi Thành: Bố trí phần còn lại để thực hiện dự án

16. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

17. Thời gian thực hiện: 2021 - 2023.

18. Cơ quan tiếp nhận quản lý sử dụng sau khi dự án hoàn thành: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, khai thác vận hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- UBND huyện Núi Thành (Chủ đầu tư) căn cứ các nội dung đã được phê duyệt, tiến hành lập các hồ sơ, thủ tục tiếp theo theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện. Trong bước thiết kế bản vẽ thi công, lấy ý kiến thống nhất của Công ty TNHH Khai thác thủy lợi Quảng Nam đối với các hạng mục công trình qua kênh Phú Ninh trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định để phê duyệt theo quy định.

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường và các ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, giám sát chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Núi Thành, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN.

(F:\Dropbox\HUNG\Giao thông\quyet dinh\QD 2021\PD du an\8 09.PD du an Duong
vao khu xy ly rac Tam Xuan II.docx)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang